

Số: /BHXH-TCKT
V/v quản lý, tính hao mòn,
khấu hao TSCĐ

Hà Nội, ngày tháng năm 2023

Kính gửi:

- Bảo hiểm xã hội các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
 - Văn phòng Bảo hiểm xã hội Việt Nam;
 - Các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Bảo hiểm xã hội Việt Nam;
 - Ban Quản lý dự án Đầu tư và Xây dựng ngành Bảo hiểm xã hội.
- (Sau đây gọi chung là các đơn vị)

Căn cứ Thông tư số 23/2023/TT-BTC ngày 25/4/2023 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, tính hao mòn, khấu hao tài sản cố định (TSCĐ) tại cơ quan, tổ chức, đơn vị và TSCĐ do Nhà nước giao cho doanh nghiệp quản lý không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp, Bảo hiểm xã hội (BHXH) Việt Nam yêu cầu các đơn vị thực hiện một số nội dung về quản lý và tính hao mòn, khấu hao TSCĐ như sau:

I. Về quản lý tài sản cố định

1. Tiêu chuẩn TSCĐ: Thực hiện theo Điều 3 Thông tư số 23/2023/TT-BTC, trong đó:

1.1. Xác định tài sản

a) Tài sản sử dụng độc lập được xác định là một tài sản

b) Một hệ thống gồm nhiều bộ phận tài sản riêng lẻ liên kết với nhau để cùng thực hiện một hay một số chức năng nhất định, mà nếu thiếu bất kỳ một bộ phận nào trong đó thì cả hệ thống không thể hoạt động được thì hệ thống đó được xác định là một tài sản.

c) Một hệ thống gồm nhiều bộ phận tài sản riêng lẻ, liên kết với nhau, trong đó mỗi bộ phận cấu thành có thời gian sử dụng khác nhau và có chức năng hoạt động độc lập, đồng thời đòi hỏi phải quản lý riêng từng bộ phận tài sản thì mỗi bộ phận tài sản riêng lẻ đó được xác định là một tài sản.

Ví dụ: Các loại máy móc, thiết bị riêng lẻ, có thời gian sử dụng khác nhau, có chức năng hoạt động độc lập với nhà làm việc (thang máy, máy điều hòa, ...) thì được xác định là một tài sản để quản lý, tính hao mòn (độc lập với tài sản là nhà làm việc).

d) Quyền sử dụng đất đối với từng thửa đất hoặc phần diện tích được giao cho cơ quan, tổ chức, đơn vị trong từng thửa đất được xác định là một tài sản.

đ) Mỗi phần mềm ứng dụng được xác định là một tài sản.

1.2. Tài sản cố định là tài sản thỏa mãn đồng thời cả 02 tiêu chuẩn: Có nguyên giá từ 10 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản; có thời gian sử dụng từ 01 năm trở lên.

2. Các đơn vị được giao quản lý, sử dụng TSCĐ có trách nhiệm:

a) Lập thẻ TSCĐ, kế toán đối với toàn bộ TSCĐ hiện có của đơn vị theo đúng quy định của chế độ kế toán hiện hành; mỗi TSCĐ được xác định là một đối tượng ghi sổ kế toán. Các chỉ tiêu về nguyên giá, hao mòn, khấu hao, giá trị còn lại của TSCĐ là số nguyên; trường hợp kết quả xác định các chỉ tiêu này là số thập phân thì được làm tròn theo nguyên tắc cộng thêm 01 vào phần số nguyên.

b) Thực hiện kiểm kê tài sản định kỳ hàng năm; thực hiện điều chỉnh số liệu kế toán nếu có chênh lệch phát sinh khi thực hiện kiểm kê.

c) Thực hiện báo cáo kê khai, báo cáo tình hình quản lý, sử dụng tài sản theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công.

II. Xác định nguyên giá tài sản cố định

1. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình (hình thành từ mua sắm; từ đầu tư xây dựng; từ dự án đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin; được giao, nhận điều chuyển; được tặng cho, khuyến mại; phát hiện thừa khi kiểm kê, chưa được theo dõi trên sổ kế toán;...): Thực hiện theo Điều 6 Thông tư số 23/2023/TT-BTC, trong đó lưu ý:

1.1. Nguyên giá TSCĐ hình thành từ mua sắm tập trung (theo cách thức ký hợp đồng trực tiếp hoặc mua sắm thường xuyên trong phạm vi toàn Ngành)

a) Đối với đơn vị được giao nhiệm vụ mua sắm tập trung

- Tại thời điểm bàn giao TSCĐ cho đơn vị sử dụng: Giá trị TSCĐ tại Biên bản bàn giao, tiếp nhận tài sản là giá trị từng loại TSCĐ ghi trên hóa đơn.

- Trong thời gian 05 ngày làm việc kể từ ngày hoàn thành việc bàn giao tài sản cho tất cả các đơn vị sử dụng theo kế hoạch mua sắm, đơn vị được giao nhiệm vụ mua sắm tập trung thực hiện: Tổng hợp toàn bộ các chi phí liên quan đến mua sắm tập trung theo quy định tại Điều 26 Quy chế mua sắm tài sản công theo phương thức tập trung trong ngành BHXH ban hành kèm theo Quyết định số 1589/QĐ-BHXH ngày 12/11/2018 của Tổng Giám đốc BHXH Việt Nam (bao gồm cả chi phí cho đấu thầu được bù đắp từ nguồn kinh phí không phải từ khoản thu từ hoạt động đấu thầu theo quy định của pháp luật); phân bổ chi phí liên quan đến mua sắm tập trung cho từng TSCĐ theo tiêu chí phù hợp (số lượng, giá trị ghi trên hóa đơn của TSCĐ phát sinh chi phí chung, ...); thông báo bằng văn bản về chi phí liên quan đến mua sắm tập trung của từng TSCĐ cho các đơn vị sử dụng.

b) Đối với đơn vị được giao quản lý, sử dụng tài sản

- Khi nhận được TSCĐ do đơn vị được giao nhiệm vụ mua sắm tập trung bàn giao, căn cứ Biên bản giao nhận tài sản kèm theo các hồ sơ, tài liệu có liên quan đến TSCĐ để xác định nguyên giá tạm tính TSCĐ.

- Sau khi nhận được thông báo bằng văn bản về chi phí liên quan đến mua sắm tập trung của đơn vị được giao nhiệm vụ mua sắm tập trung thì thực hiện điều chỉnh lại nguyên giá tạm tính và xác định nguyên giá TSCĐ theo quy định tại khoản 1 Điều 6 Thông tư số 23/2023/TT-BTC (bao gồm các chi phí hợp lý liên

quan trực tiếp đến việc đưa TSCĐ vào sử dụng phát sinh tại đơn vị như chi phí lắp đặt, chạy thử, nộp lệ phí trước bạ và các khoản chi phí khác có liên quan).

1.2. Nguyên giá TSCĐ được hình thành từ dự án đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin thực hiện theo khoản 2 Điều 6 Thông tư số 23/2023/TT-BTC.

2. Nguyên giá tài sản cố định vô hình (quyền sử dụng đất; hình thành từ đầu tư, mua sắm; được giao, nhận điều chuyển; được tặng cho, khuyến mại; phát hiện thừa khi kiểm kê, chưa được theo dõi trên sổ kế toán;...): Thực hiện theo Điều 7 Thông tư số 23/2023/TT-BTC.

3. Thay đổi nguyên giá tài sản cố định: Thực hiện theo Điều 9 Thông tư số 23/2023/TT-BTC, trong đó lưu ý:

3.1. Các trường hợp thay đổi nguyên giá TSCĐ:

a) Đánh giá lại giá trị TSCĐ khi thực hiện kiểm kê theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

b) Thực hiện nâng cấp, mở rộng TSCĐ theo dự án được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt.

c) Tháo dỡ một hay một số bộ phận TSCĐ (trong trường hợp giá trị bộ phận TSCĐ tháo dỡ đang được hạch toán chung trong nguyên giá TSCĐ).

d) Lắp đặt thêm một hay một số bộ phận TSCĐ.

đ) TSCĐ bị mất một phần hoặc hư hỏng nghiêm trọng do thiên tai, sự cố bất khả kháng hoặc những tác động đột xuất khác (trừ trường hợp tài sản đã được khôi phục lại thông qua bảo hiểm tài sản công).

e) Điều chỉnh giá trị quyền sử dụng đất đối với các trường hợp quy định tại điểm a khoản 1 Điều 7 Thông tư số 23/2023/TT-BTC theo quy định tại các điểm a, b và c khoản 1 Điều 103 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công.

3.2. Khi phát sinh việc thay đổi nguyên giá TSCĐ, các đơn vị thực hiện lập Biên bản ghi rõ lý do thay đổi nguyên giá, đồng thời xác định lại nguyên giá TSCĐ theo quy định tại Khoản 2 Điều 9 và Điều 10 Thông tư số 23/2023/TT-BTC.

3.3. Trường hợp TSCĐ đã tính đủ hao mòn hoặc đã khấu hao hết giá trị nhưng sau đó thuộc trường hợp phải thay đổi nguyên giá thì phải tính hao mòn, trích khấu hao tài sản theo quy định của pháp luật cho thời gian sử dụng còn lại sau khi thay đổi nguyên giá (nếu có).

III. Phân loại và tính hao mòn tài sản cố định

1. Phân loại TSCĐ: Thực hiện theo Điều 4 Thông tư số 23/2023/TT-BTC, trong đó Ngành BHXH Việt Nam không có TSCĐ đặc thù.

2. Các loại tài sản cố định không phải tính hao mòn: Thực hiện theo khoản 3 Điều 11 Thông tư số 23/2023/TT-BTC.

a) TSCĐ là quyền sử dụng đất đối với các trường hợp phải xác định giá trị quyền sử dụng đất để tính vào giá trị tài sản quy định tại Điều 100 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP.

b) TSCĐ đặc thù quy định tại điểm c khoản 1 Điều 4 Thông tư số 23/2023/TT-BTC.

c) TSCĐ đã tính đủ hao mòn hoặc đã khấu hao hết giá trị nhưng vẫn còn sử dụng được.

d) Các TSCĐ chưa tính hết hao mòn hoặc chưa khấu hao hết giá trị nhưng đã hư hỏng không tiếp tục sử dụng được.

3. Thời điểm tính hao mòn tài sản cố định: Thực hiện theo khoản 3 Điều 11 Thông tư số 23/2023/TT-BTC.

Việc tính hao mòn TSCĐ thực hiện mỗi năm 01 lần vào tháng 12, trước khi khóa sổ kế toán. Phạm vi TSCĐ phải tính hao mòn là tất cả TSCĐ hiện có của đơn vị tính đến ngày 31 tháng 12 của năm tính hao mòn, trừ các loại TSCĐ không phải tính hao mòn.

4. Xác định thời gian sử dụng, tỷ lệ tính hao mòn tài sản cố định và các tài sản cố định có tỷ lệ hao mòn thay đổi

a) Đối với TSCĐ hữu hình: Thực hiện theo Phụ lục số 01 ban hành kèm theo Thông tư số 23/2023/TT-BTC.

b) Đối với TSCĐ vô hình: Thực hiện theo Phụ lục ban hành kèm theo Công văn này.

c) Đối với TSCĐ có tỷ lệ hao mòn quy định tại Phụ lục số 01 ban hành kèm theo Thông tư số 23/2023/TT-BTC thay đổi so với quy định tại Phụ lục số 01 ban hành kèm theo Thông tư số 45/2018/TT-BTC (*Máy photocopy, Camera giám sát, Máy móc, thiết bị chuyên dùng khác*) thì từ năm tài chính 2023 xác định mức hao mòn hàng năm của TSCĐ theo quy định tại Khoản 1 Điều 17 Thông tư số 23/2023/TT-BTC.

5. Đối với các tài sản cố định có thay đổi nguyên giá trước ngày Thông tư số 23/2023/TT-BTC có hiệu lực thi hành (ngày 10/6/2023), đã xác định lại các chỉ tiêu nguyên giá, giá trị còn lại của TSCĐ để điều chỉnh sổ kế toán và thực hiện kế toán theo quy định tại khoản 2 Điều 10 Thông tư số 45/2018/TT-BTC thì từ năm tài chính 2023 căn cứ nguyên giá đã xác định lại và đã thực hiện kế toán, căn cứ tỷ lệ hao mòn TSCĐ hữu hình theo quy định tại Phụ lục số 01 ban hành kèm theo Thông tư số 23/2023/TT-BTC và tỷ lệ hao mòn TSCĐ vô hình theo quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Công văn này để xác định mức hao mòn hàng năm của TSCĐ.

IV. Trích khấu hao tài sản cố định tại các đơn vị sự nghiệp trực thuộc

1. Các tài sản cố định phải trích khấu hao

a) TSCĐ tại đơn vị sự nghiệp trực thuộc tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư.

b) TSCĐ thuộc đối tượng phải tính đủ khấu hao TSCĐ vào giá dịch vụ theo quy định của pháp luật.

c) TSCĐ không thuộc phạm vi quy định tại Điểm a, Điểm b Khoản này được sử dụng vào hoạt động kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết mà không hình thành pháp nhân mới theo quy định của pháp luật.

2. Quy định về trích khấu hao tài sản cố định

Việc trích khấu hao TSCĐ tại các đơn vị sự nghiệp trực thuộc thực hiện theo Khoản 2 Điều 12 và Điều 15 Thông tư số 23/2023/TT-BTC.

V. Tổ chức thực hiện

Công văn này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và được áp dụng từ năm tài chính 2023; thay thế các văn bản sau: Công văn số 3907/BHXH-TCKT ngày 01/10/2018 của BHXH Việt Nam về việc hướng dẫn quản lý, tính hao mòn, khấu hao TSCĐ và Công văn số 3739/BHXH-TCKT ngày 29/9/2015 của BHXH Việt Nam về việc xác định đối tượng ghi sổ kế toán TSCĐ đối với các công trình trụ sở làm việc.

Trong quá trình thực hiện, nếu có phát sinh vướng mắc, các đơn vị phản ánh kịp thời về BHXH Việt Nam (qua Vụ Tài chính - Kế toán) để xem xét, giải quyết./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Tổng Giám đốc (để b/c);
- Các Phó Tổng Giám đốc;
- KHĐT, KTNB, TTKT, PC;
- Lưu: VT, TCKT.

**KT. TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**

Lê Hùng Sơn

BẢO HIỂM XÃ HỘI VIỆT NAM

Phụ lục

THỜI GIAN TÍNH HAO MÒN VÀ TỶ LỆ HAO MÒN TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

(Ban hành kèm theo Công văn số/BHXH-TCKT ngày ... tháng ... năm 2023
của Bảo hiểm xã hội Việt Nam)

STT	DANH MỤC	THỜI GIAN TÍNH HAO MÒN (năm)	TỶ LỆ HAO MÒN (% năm)
Loại 2	Quyền tác giả và quyền liên quan đến bản quyền tác giả		
	Giá trị bản quyền tác giả	25	4
Loại 3	Quyền sở hữu công nghiệp		
	Giá trị bằng phát minh sáng chế, sở hữu công nghiệp	25	4
Loại 5	Phần mềm ứng dụng		
1	Cơ sở dữ liệu	5	20
2	Phần mềm tin học văn phòng	5	20
3	Phần mềm backup	4	25
4	Phần mềm phục vụ công tác nghiệp vụ (kế toán, quản lý sổ thẻ, thu, ...)	4	25
5	Phần mềm diệt vi rút	4	25
6	Phần mềm ứng dụng khác	5	20